

Số/ No.: 48/2026/CV-MML

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2026
Ho Chi Minh City, day 07 month 8 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE/ MASAN MEATLIFE CORPORATION**

- Mã chứng khoán/ Stock code: **MML & MML121021**
- Địa chỉ/Address: **Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 10th Floor, Central Plaza Building, No. 17 Le Duan Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam**
- Điện thoại liên hệ/Tel.: **028 6256 3862** Fax: **028 3827 4115**
- Email: **Ngadtt@mml.masangroup.vn**
- Website: **www.masanmeatlife.com.vn**

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất bán niên năm 2026 và Công văn giải trình biến động lợi nhuận / Separate and Consolidated Financial Statements for the six-month period ended 30 June 2026 and Profit fluctuations explanation letter.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 07/8/2026 tại đường dẫn <https://masanmeatlife.com.vn/> This information was published on the company's website on 07/8/2026, as in the link [https://masanmeatlife.com.vn.](https://masanmeatlife.com.vn/)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached document(s):

- Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Công văn giải trình biến động lợi nhuận/ Separate and Consolidated Interim Financial Statements for the six-month period ended 30 June 2026 and Profit fluctuations explanation letter.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information



ĐỖ THỊ THU NGÀ
Giám đốc Pháp lý / Legal Director



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là ngày 13 tháng 7 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Nguyễn Anh Thi

Ông Nguyễn Quốc Trung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 24 tháng 4 năm 2026)
Thành viên
(đến ngày 24 tháng 4 năm 2026)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Thi
Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Trần Phương Bắc

Trưởng ban
Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Danny Le
Ông Nguyễn Anh Thi

Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Thi 

Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



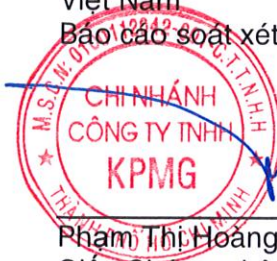
Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00561-26-1



Phạm Thị Hoàng Anh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3434-2022-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Thùy Ninh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4623-2023-007-1



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 160)	100		1.430.506.215.358	424.191.490.271
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	51.139.891.872	55.611.010.032
Tiền	111		51.139.891.872	611.010.032
Các khoản tương đương tiền	112		-	55.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		376.061.512.946	213.779.608.904
Chứng khoán kinh doanh	121	10(a)	52.977.047.195	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	10(b)	323.084.465.751	213.779.608.904
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.002.802.691.882	153.932.255.286
Phải thu của khách hàng	131	11	107.245.253.483	142.534.397.237
Phải thu ngắn hạn khác	135	12(a)	906.762.124.385	25.156.985.954
Dự phòng phải thu khó đòi	136	13	(11.204.685.986)	(13.759.127.905)
Tài sản ngắn hạn khác	160		502.118.658	868.616.049
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		502.118.658	868.616.049

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 270)	200		6.588.150.745.666	7.016.043.347.005
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.207.309.000	2.751.014.000
Phải thu dài hạn khác	215	12(b)	3.207.309.000	2.751.014.000
Tài sản cố định	220		1.080.040.962	1.146.073.320
Tài sản cố định hữu hình	221		1.080.040.962	1.146.073.320
Nguyên giá	222		2.009.561.485	1.891.871.485
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(929.520.523)	(745.798.165)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		918.560.700	918.560.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(918.560.700)	(918.560.700)
Tài sản dở dang dài hạn	250		566.402.200	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		566.402.200	-
Đầu tư tài chính dài hạn	260		6.582.318.928.315	7.011.458.176.648
Đầu tư vào công ty con	261	10(c)	5.229.774.300.000	5.229.828.300.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	10(c)	648.102.724.017	648.102.724.017
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	10(c)	(1.331.307.095.706)	(1.017.024.025.456)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265	10(b)	2.035.749.000.004	2.150.551.178.087
Tài sản dài hạn khác	270		978.065.189	688.083.037
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		978.065.189	688.083.037
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		8.018.656.961.024	7.440.234.837.276

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.158.975.295.786	2.132.622.773.421
Nợ ngắn hạn	310		2.157.485.174.286	2.130.906.072.671
Phải trả người bán	311	14	16.004.160.758	14.963.633.966
Người mua trả tiền trước	312		215.920.842	293.374.649
Phải trả cổ tức	313		700.205.100	700.205.100
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.851.438.397	5.487.874.937
Chi phí phải trả	316	16	88.641.723.576	111.702.236.958
Phải trả ngắn hạn khác	320	17	50.282.178.630	2.540.559.072
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	321	18	1.998.789.546.983	1.995.218.187.989
NỢ DÀI HẠN	330		1.490.121.500	1.716.700.750
Dự phòng phải trả dài hạn	343		1.490.121.500	1.716.700.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 411 + 412 + 420)	400	19	5.859.681.665.238	5.307.612.063.855
Vốn cổ phần	411	20	3.403.168.580.000	3.403.168.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.403.168.580.000	3.403.168.580.000
Thặng dư vốn	412		2.137.052.965.149	2.137.052.965.149
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	420		319.460.120.089	(232.609.481.294)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	420a		(232.609.481.294)	(439.958.059.170)
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước	420b		552.069.601.383	207.348.577.876
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.018.656.961.024	7.440.234.837.276

Phê duyệt, ngày 5 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Mạnh Quang
Người lậpMã Hồng Kim
Kế toán trưởng
Nguyễn Anh Thi
Người đại diện theo pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Đã phân loại lại)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	104.973.971.788	94.960.950.309
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		99.975.211.230	90.439.000.294
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		4.998.760.558	4.521.950.015
Doanh thu hoạt động tài chính	22	24	965.050.761.193	456.914.916.428
Chi phí tài chính	23	25	406.531.170.056	115.883.701.326
Trong đó: Chi phí đi vay	24		92.211.573.955	88.582.843.118
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		11.420.503.480	4.433.081.107
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - 26}	30		552.097.848.215	341.120.084.010
Chi phí khác	32		28.246.832	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = - 32)	40		(28.246.832)	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		552.069.601.383	341.120.084.010
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		552.069.601.383	341.120.084.010

Phê duyệt, ngày 5 tháng 8 năm 2026


Nguyễn Mạnh Quang
Người lập


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng




Nguyễn Anh Thi
Người đại diện theo pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	552.069.601.383	341.120.084.010
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	183.722.358	167.888.470
Các khoản dự phòng	03	314.349.021.000	27.275.271.607
Lãi từ các hoạt động đầu tư, tài chính	05	(965.048.673.977)	(456.914.916.428)
Chi phí đi vay	06	92.211.573.955	88.582.843.118
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(6.234.755.281)	231.170.777
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	39.381.542.389	(21.509.367.404)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11	(27.396.776.887)	(4.934.370.525)
(Tăng), giảm chi phí chờ phân bổ	12	76.515.239	101.951.351
(Tăng), giảm chứng khoán kinh doanh	13	(52.977.047.195)	-
		(47.150.521.735)	(26.110.615.801)
Chi phí đi vay đã trả	14	(86.453.935.453)	(86.453.935.453)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(133.604.457.188)	(112.564.551.254)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(684.092.200)	(53.710.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	(61.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	118.642.650.000	122.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(240.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	54.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận được chia	27	3.195.071.228	287.309.150.506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	81.207.629.028	108.755.440.506

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	47.925.710.000	113.530.970.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	47.925.710.000	113.530.970.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(4.471.118.160)	109.721.859.252
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	55.611.010.032	11.908.040.032
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	51.139.891.872	121.629.899.284

Phê duyệt, ngày 5 tháng 8 năm 2026


Nguyễn Mạnh Quang
Người lập


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Thi
Người đại diện theo pháp luật

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Cấu trúc Công ty

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 4 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2026: 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 10.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 199 nhân viên (1/1/2026: 202 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, bao gồm phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh 4(a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 4(c)(ii));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh 4(d)); và
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh 4(h)).

4. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất, ngoại trừ các thay đổi chính sách do áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp như được trình bày tại Thuyết minh 3.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) (một phần của) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi và (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các chứng chỉ tiền gửi được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua. Các chi phí giao dịch nếu có được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(ii) *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phải thu về cho vay. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản chiết khấu hoặc phụ trội được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của khoản đầu tư.

(iii) *Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết*

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

	Tỷ lệ dự phòng
Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- phương tiện vận chuyển 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(g) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(h) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(j) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(k) Vốn cổ phần và thặng dư vốn

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn. Phân chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(n) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lợi nhuận được chia từ các công ty con, thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, từ chứng khoán kinh doanh và từ các khoản phải thu về cho vay, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay, trái phiếu và chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”), dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(p) Thuê hoạt động

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính riêng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(r) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (“ESOP”) được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

5. Các giả định và yếu tố không chắc chắn trong ước tính

Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra các ước tính có ảnh hưởng đến giá trị tài sản, nợ phải trả, thu nhập và chi phí được báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này.

Các ước tính và giả định cơ sở được xem xét liên tục và phù hợp với quy trình quản lý rủi ro của Công ty khi cần thiết. Các điều chỉnh đối với các ước tính kế toán được ghi nhận phi hồi tố.

Thông tin về các giả định và các yếu tố không chắc chắn trong ước tính tại ngày lập báo cáo có rủi ro đáng kể dẫn đến việc phải điều chỉnh trọng yếu giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả trong năm tài chính tiếp theo được trình bày trong các thuyết minh sau:

- Thuyết minh 4(c) và Thuyết minh 10: đo lường dự phòng các khoản đầu tư; và
- Thuyết minh 4(d), Thuyết minh 11 và Thuyết minh 13: đo lường dự phòng phải thu của khách hàng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***6. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng của tính thời vụ.

7. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở thực hiện các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng cùng kỳ của năm trước.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ cấu của Công ty kể từ cuối kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi ngân hàng (*)	51.139.891.872	611.010.032
Các khoản tương đương tiền (**)	-	55.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.139.891.872	55.611.010.032

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng theo ngân hàng có số dư lớn như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng 1	48.274.473.928	162.782.973
Ngân hàng 2	2.675.524.436	222.854.080

(**) Chi tiết các khoản tương đương tiền theo các hợp đồng tiền gửi lớn như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Hợp đồng 1	-	10.000.000.000
Hợp đồng 2	-	9.000.000.000
Hợp đồng 3	-	9.000.000.000
Hợp đồng 4	-	8.000.000.000
Hợp đồng 5	-	7.500.000.000
Hợp đồng 6	-	7.500.000.000

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

10. Các khoản đầu tư

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng	30/6/2026			Số lượng	1/1/2026		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Chứng chỉ tiền gửi (**)	525.980	52.977.047.195	(*)	-	-	-	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Công ty đã mua các chứng chỉ tiền gửi này, do một bên liên quan phát hành, với mục đích kinh doanh trong thời gian ngắn (dưới 12 tháng).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc VND	30/6/2026 Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND (Đã phân loại lại)	1/1/2026 Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn						
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	-	-	-	72.642.650.000	72.642.650.000	-
Phải thu về cho vay (**)						
• Công ty Cổ phần 3F VIỆT						
– công ty con sở hữu trực tiếp	72.899.726.029	72.899.726.029	-	71.233.534.247	71.233.534.247	-
• Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn						
– công ty con sở hữu gián tiếp	250.184.739.722	250.184.739.722	-	69.903.424.657	69.903.424.657	-
	<u>323.084.465.751</u>	<u>323.084.465.751</u>	<u>-</u>	<u>213.779.608.904</u>	<u>213.779.608.904</u>	<u>-</u>

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch.

Chi tiết tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn theo các hợp đồng tiền gửi lớn như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Hợp đồng 1	-	32.642.650.000
Hợp đồng 2	-	10.000.000.000
Hợp đồng 3	-	10.000.000.000
Hợp đồng 4	-	10.000.000.000
Hợp đồng 5	-	10.000.000.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Giá gốc VND	30/6/2026 Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND (Đã phân loại lại)	1/1/2026 Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
Phải thu về cho vay (**)						
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn – công ty con sở hữu gián tiếp	-	-	-	181.229.178.083	181.229.178.083	-
▪ Công ty TNHH Zenith Investment – bên liên quan khác	2.035.749.000.004	2.035.749.000.004	-	1.969.322.000.004	1.969.322.000.004	-
	<u>2.035.749.000.004</u>	<u>2.035.749.000.004</u>	<u>-</u>	<u>2.150.551.178.087</u>	<u>2.150.551.178.087</u>	<u>-</u>

(**) Các khoản cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay tương ứng. Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***(c) Đầu tư vào công ty con**

	30/6/2026		1/1/2026	
	% lợi ích kinh tế/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% lợi ích kinh tế/quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MEATDeli HN (“MHN”) (*)	100,00%	2.766.000.000.000	100,00%	2.766.000.000.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”)	74,99%	985.000.000.000	74,99%	985.000.000.000
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“FNA”)	100,00%	864.000.000.000	100,00%	864.000.000.000
Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3FV”) (*)	51,00%	614.774.300.000	51,00%	614.774.300.000
Công ty TNHH MNS Meat (“MNM”) (**)	-	-	99,99%	54.000.000
		5.229.774.300.000		5.229.828.300.000

Tất cả các công ty con đều được thành lập tại Việt Nam.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản đầu tư này được xác định là có sự suy giảm giá trị, do đó, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(c).

(**) Vào ngày 13 tháng 1 năm 2026, MNM đã hoàn thành thủ tục giải thể.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MHN VND	MSJ VND	FNA VND	3FV VND	MNM VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.766.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	54.000.000	5.229.828.300.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(54.000.000)	(54.000.000)
Số dư cuối kỳ	2.766.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	-	5.229.774.300.000

Biến động trong kỳ của dự phòng đầu tư dài hạn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	1.017.024.025.456	856.973.638.307
Dự phòng trích lập trong kỳ	314.283.070.250	27.264.332.357
Số dư cuối kỳ	1.331.307.095.706	884.237.970.664

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

(d) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	30/6/2026			1/1/2026		
	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan")	20.180.026	24,94%	648.102.724.017	20.180.026	24,94%	648.102.724.017

Vissan được thành lập tại Việt Nam và hoạt động chính của Vissan là sản xuất, bán buôn và bán lẻ thực phẩm.

Không có dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Không có biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***11. Phải thu của khách hàng****Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>				
• Công ty TNHH MEATDeli HN	39.516.680.780	-	34.471.814.100	-
• Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	8.573.040.000	-	4.308.435.589	-
• Công ty Cổ phần Masan JinJu	7.778.160.000	-	15.275.826.703	-
• Công ty Cổ phần 3F VIỆT	6.015.600.000	-	16.500.149.441	-
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>				
• Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	13.205.804.156	-	16.138.995.991	-
• Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	7.549.200.000	-	8.952.468.534	-
• Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	6.759.720.000	-	17.527.456.896	-
• Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	6.642.000.000	-	15.522.305.710	-

Các khoản phải thu từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***12. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
			(Đã phân loại lại)	
Phải thu phân phối lợi nhuận từ một công ty con	890.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác từ các công ty con	14.993.801.026	-	23.751.799.679	-
Phải thu khác	1.768.323.359	-	1.405.186.275	-
	906.762.124.385	-	25.156.985.954	-

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>				
• Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	890.812.372.388	-	698.810.216	-
• Công ty TNHH MEATDeli HN	6.036.652.646	-	4.722.407.034	-
• Công ty Cổ phần Masan JinJu	1.327.888.413	-	3.829.382.562	-
• Công ty Cổ phần 3F VIỆT	1.011.410.868	-	3.683.121.195	-
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>				
• Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	3.775.129.371	-	4.781.401.418	-
• Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	1.221.498.342	-	3.002.847.188	-
• Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	530.280.732	-	1.905.463.703	-
• Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	278.568.266	-	1.128.366.363	-

Các khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
			(Đã phân loại lại)	
Đặt cọc dài hạn	3.207.309.000	-	2.751.014.000	-

13. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	13.759.127.905	14.402.070.781
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(2.554.441.919)	(473.942.876)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(169.000.000)
Số dư cuối kỳ	11.204.685.986	13.759.127.905

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	11.743.373.405	3.493.949.149
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	2.571.545.701	-
Công ty Cổ phần The CrownX	-	4.622.272.666
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	3.179.902.209
Các nhà cung cấp khác	1.689.241.652	3.667.509.942
	16.004.160.758	14.963.633.966

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	3.179.902.209
Các bên liên quan khác		
• Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	11.743.373.405	3.493.949.149
• Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	2.571.545.701	-
• Công ty Cổ phần Mobicast	20.377.422	18.817.805
• Công ty Cổ phần The CrownX	-	4.622.272.666
• Công ty TNHH The Sherpa	-	384.045.107
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	-	10.907.330

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ/ Hoàn lại VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.226.948.700	8.353.123.645	(8.163.458.849)	(3.383.834.410)	1.032.779.086
Thuế thu nhập cá nhân	1.260.926.237	12.240.660.319	(10.627.065.458)	(1.055.861.787)	1.818.659.311
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	1.020.468	(1.020.468)	-	-
	5.487.874.937	20.594.804.432	(18.791.544.775)	(4.439.696.197)	2.851.438.397

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả**

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí lãi vay	62.328.143.836	60.141.864.328
Thường thành tích và lương tháng 13	10.068.137.387	22.277.962.475
Chi phí phải trả khác	16.245.442.353	29.282.410.155
	88.641.723.576	111.702.236.958

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Tiền thu từ nhân viên cho đợt phát hành cổ phiếu phổ thông theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (*)	47.925.710.000	-
Phải trả khác (**)	2.356.468.630	2.540.559.072
	50.282.178.630	2.540.559.072

(*) Khoản tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu phổ thông theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được ghi nhận vào khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác” do tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi. Theo đó, vào ngày 13 tháng 7 năm 2026, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, phản ánh việc tăng vốn cổ phần của Công ty.

(**) Phải trả ngắn hạn khác bao gồm 597.384.431 VND phải trả một bên liên quan (1/1/2025: 788.593.451 VND). Khoản phải trả cho bên liên quan này không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***18. Trái phiếu phát hành**

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trái phiếu thường phát hành	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(1.190.453.017)	(4.761.812.011)
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.998.789.546.983	1.995.218.187.989

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu hiện còn sổ dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá		8,575%			
▪ MMLB2126001	VND	- 9,1%	2026	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000

Trái phiếu số MMLB2126001 (không bao gồm chi phí phát hành) có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất cố định là 9,5%/năm trong năm đầu tiên và lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) của các ngân hàng được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các bên liên quan của Công ty nắm giữ 80.018 triệu VND (1/1/2026: 30.018 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty.

Biến động trong kỳ của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	4.761.812.011	11.904.529.999
Phân bổ trong kỳ	(3.571.358.994)	(3.571.358.994)
Số dư cuối kỳ	1.190.453.017	8.333.171.005

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	3.290.525.930.000	2.137.102.965.149	(439.958.059.170)	4.987.670.835.979
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	341.120.084.010	341.120.084.010
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	3.290.525.930.000	2.137.102.965.149	(98.837.975.160)	5.328.790.919.989
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	112.642.650.000	(50.000.000)	-	112.592.650.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(133.771.506.134)	(133.771.506.134)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	3.403.168.580.000	2.137.052.965.149	(232.609.481.294)	5.307.612.063.855
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	552.069.601.383	552.069.601.383
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	3.403.168.580.000	2.137.052.965.149	319.460.120.089	5.859.681.665.238

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	340.316.858	3.403.168.580.000	340.316.858	3.403.168.580.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	340.316.858	3.403.168.580.000	340.316.858	3.403.168.580.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	340.316.858	3.403.168.580.000	340.316.858	3.403.168.580.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn trong kỳ.

21. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Trong tháng 6 năm 2026, Công ty đã phát hành 4.792.571 cổ phiếu cho nhân viên theo giá đã được phê duyệt trong Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên (Thuyết minh 17).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***22. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính****Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng 1 năm	5.085.480.000	9.810.960.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	180.000.000	360.000.000
	5.265.480.000	10.170.960.000

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Thời hạn thuê	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê văn phòng	2 năm	5.265.480.000	10.170.960.000

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ quản lý đã cung cấp chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lợi nhuận được chia từ một công ty con	890.000.000.000	380.000.000.000
Thu nhập lãi	75.048.673.977	76.914.916.428
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.087.216	-
	965.050.761.193	456.914.916.428

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu	88.640.214.961	85.011.484.124
Chi phí phát hành trái phiếu	3.571.358.994	3.571.358.994
Dự phòng đầu tư dài hạn vào các đơn vị khác	314.283.070.250	27.264.332.357
Chi phí tài chính khác	36.525.851	36.525.851
	<u>406.531.170.056</u>	<u>115.883.701.326</u>

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	552.069.601.383	341.120.084.010
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	110.413.920.277	68.224.016.802
Chi phí không được khấu trừ thuế	98.256.834	106.288.640
Thu nhập không chịu thuế	(178.009.369.498)	(76.000.000.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	67.497.192.387	7.669.694.558
	<u>-</u>	<u>-</u>

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.360.247.345.545	272.049.469.109	1.043.086.558.231	208.617.311.646
Lỗi tính thuế	660.706.222.633	132.141.244.527	640.381.048.017	128.076.209.603
	<u>2.020.953.568.178</u>	<u>404.190.713.636</u>	<u>1.683.467.606.248</u>	<u>336.693.521.249</u>

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2026	Đã quyết toán	368.737.402.146
2027	Chưa quyết toán	97.584.232.750
2029	Chưa quyết toán	36.644.451.238
2030	Chưa quyết toán	137.414.961.883
2031	Chưa quyết toán	20.325.174.616
		660.706.222.633

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng (nếu có) có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Cung cấp dịch vụ	24.990.515.967	27.193.445.659
Góp vốn	-	240.000.000.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu		
Cung cấp dịch vụ	13.572.889.050	12.807.725.537
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An		
Lợi nhuận được chia	890.000.000.000	380.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	12.504.998.963	8.675.830.371
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Cung cấp dịch vụ	8.481.426.902	5.494.652.446
Thu nhập lãi cho vay	1.666.191.782	2.776.986.301
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Cho vay	40.000.000.000	61.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	46.000.000.000	36.500.000.000
Thu nhập lãi cho vay	6.089.463.010	5.607.780.826
Cung cấp dịch vụ	12.238.053.034	14.671.900.996
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT		
Cung cấp dịch vụ	6.820.665.506	4.792.977.227
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01		
Cung cấp dịch vụ	13.628.814.062	11.036.552.088
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02		
Cung cấp dịch vụ	12.736.608.304	10.287.865.985
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí quản lý và công nghệ thông tin	13.071.694.386	11.577.936.928
Mua hàng hóa	13.062.961	11.849.998
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan		
Chia sẻ chi phí	2.381.060.834	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	107.832.630	112.526.697
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	88.311.766	64.942.785
Công ty TNHH Zenith Investment		
Thu hồi khoản cho vay	-	86.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	66.427.000.000	67.287.000.000
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage		
Mua hàng hóa	7.280.093	12.498.796
Nhân sự quản lý chủ chốt (*)		
Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt	5.382.071.537	3.696.502.000

Tại ngày và cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

- (*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay ngân hàng của các công ty con với số dư nợ gốc vay tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH MEATDeli HN	-	234.818.000.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

28. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh được mang sang từ số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 99. Một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Mã số	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)	Mã số	1/1/2026 VND (Theo báo cáo trước đây)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	213.779.608.904	123	72.642.650.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	135	139.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	25.156.985.954	136	27.293.944.858
Phải thu về cho vay dài hạn		-	215	2.012.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	215	2.751.014.000	216	141.302.192.087
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265	2.150.551.178.087	255	-
Phải trả cổ tức	313	700.205.100		-
Phải trả ngắn hạn khác	320	2.540.559.072	319	3.240.764.172

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND (Đã phân loại lại)	30/6/2025 VND (Theo báo cáo trước đây)
Chi phí tài chính			
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	85.011.484.124
Trong đó: Chi phí đi vay	24	88.582.843.118	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

29. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, khoản tiền thu được từ người lao động liên quan đến việc Công ty phát hành cổ phiếu mới theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (“ESOP”) (Thuyết minh 17), được trình bày trong khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác” tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, đã được ghi nhận vào vốn cổ phần sau khi Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính riêng cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Phê duyệt, ngày 5 tháng 8 năm 2026



Nguyễn Mạnh Quang
Người lập



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Thi
Người đại diện theo pháp luật

